

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LOẠI MÀU NGHỆ TĨNH**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2022**



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 33

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Kim loại màu Nghệ Tĩnh (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2022 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Phạm Hồng Thịnh	Chủ tịch
Ông Bùi Văn Tiến	Ủy viên
Ông Vũ Sơn Hải	Ủy viên
Ông Phạm Hữu Bắc	Ủy viên

#### **Ban Kiểm soát**

Bà Phạm Thị Hoa	Trưởng Ban
Bà Võ Thị Dung	Thành viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Ngọc Nam	Giám đốc
Ông Trần Văn Chiến	Phó Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty là Ông Đinh Hữu Hạnh

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Chi nhánh Hà Nội - Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

### **CÁC CAM KẾT KHÁC**

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Nguyễn Ngọc Nam**

**Giám đốc**

*Nghệ An, ngày 24 tháng 03 năm 2023*



Số: 342 /2023/UHY-HN/BCKT

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Kim loại màu Nghệ Tĩnh

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Kim loại màu Nghệ Tĩnh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 24/03/2023, từ trang 06 đến trang 33 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kim loại màu Nghệ Tĩnh tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Không nhằm phủ nhận ý kiến trên, chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo tài chính về các vấn đề sau:  
*Như trình bày tại Thuyết minh 30.2. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty đang lỗ lũy kế với số tiền là 37.166.993.137 đồng và nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 25.017.351.354 đồng, đồng thời dòng lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh của công ty năm 2022 đang âm là 8.504.487.335 đồng. Các vấn đề này cùng với những vấn đề khác được nêu tại thuyết minh số 30.2 cho thấy có sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty vẫn được lập trên cơ sở giả định về hoạt động liên tục.*

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Kim loại màu Nghệ Tĩnh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán khác và Công ty Kiểm toán này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 22/02/2022.



**Đặng Minh Đức**  
Giám đốc  
Giấy ĐKHN Kiểm toán số 4885-2020-112-1  
Thay mặt và đại diện cho

**Trần Hồng Giang**  
Kiểm toán viên  
Giấy ĐKHN Kiểm toán số: 3893-2022-112-1

**CHI NHÁNH HÀ NỘI - CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**  
Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2023

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31/12/2022

Mẫu số B01-DN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>12.808.535.646</b>	<b>9.165.174.886</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	1.199.427.717	856.967.868
Tiền	111		1.199.427.717	856.967.868
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.425.277.174	2.008.031.944
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	1.308.006.540	1.565.369.240
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.354.017.284	1.288.189.011
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	32.000.000	57.932.343
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.268.746.650)	(1.268.746.650)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	365.288.000
Hàng tồn kho	140	8	9.605.622.207	5.456.492.568
Hàng tồn kho	141		9.922.450.266	5.456.492.568
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(316.828.059)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		578.208.548	843.682.506
Thuế GTGT được khấu trừ	152		578.208.548	843.682.506
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>31.472.034.239</b>	<b>31.743.723.138</b>
Các khoản phải thu dài hạn	210		5.903.408.016	5.689.338.725
Phải thu dài hạn khác	216	7	5.903.408.016	5.689.338.725
Tài sản cố định	220		2.523.744.808	2.819.144.849
Tài sản cố định hữu hình	221	11	2.523.744.808	2.819.144.849
- Nguyên giá	222		62.664.207.120	61.845.475.102
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(60.140.462.312)	(59.026.330.253)
Tài sản dở dang dài hạn	240		337.107.107	8.528.182.047
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	9	337.107.107	8.528.182.047
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	12.000.000.000	11.200.000.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		30.045.000.000	30.045.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(18.045.000.000)	(18.845.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260		10.707.774.308	3.507.057.517
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	10.707.774.308	3.507.057.517
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>44.280.569.885</b>	<b>40.908.898.024</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
Tại ngày 31/12/2022

Mẫu số B01-DN

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>41.018.541.856</b>	<b>27.930.223.301</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>37.825.887.000</b>	<b>24.774.314.036</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	9.098.562.767	5.883.473.101
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	618.834.024
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	172.817.400	4.400.000
Phải trả người lao động	314		583.813.000	302.246.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	2.477.967.705	9.927.096.860
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	8.575.440.026	596.430.249
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	14	16.901.664.569	7.354.594.163
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		15.621.533	87.239.639
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>3.192.654.856</b>	<b>3.155.909.265</b>
Phải trả dài hạn khác	337	16	173.552.800	235.552.800
Dự phòng phải trả dài hạn	342	17	3.019.102.056	2.920.356.465
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>3.262.028.029</b>	<b>12.978.674.723</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>3.262.028.029</b>	<b>12.978.674.723</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		38.850.000.000	38.850.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		38.850.000.000	38.850.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		1.579.021.166	1.579.021.166
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(37.166.993.137)	(27.450.346.443)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(27.450.346.443)	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(9.716.646.694)	(27.450.346.443)
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>44.280.569.885</b>	<b>40.908.898.024</b>

Nghệ An, ngày 24 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Đinh Hữu Hạnh

Kế toán trưởng

Đinh Hữu Hạnh

Giám đốc



Nguyễn Ngọc Nam



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Mẫu số B02-DN
			VND	Năm 2021 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	42.967.904.966	52.080.991.358
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		42.967.904.966	52.080.991.358
Giá vốn hàng bán	11	20	45.527.311.196	55.929.095.559
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(2.559.406.230)	(3.848.104.201)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	118.608.796	123.819.366
Chi phí tài chính	22	22	881.227.251	19.188.887.983
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.681.227.251	249.497.306
Chi phí bán hàng	25		-	8.625.456
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	6.362.758.803	4.828.366.552
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(9.684.783.488)	(27.750.164.826)
Thu nhập khác	31	24	-	300.000.000
Chi phí khác	32	25	31.863.206	181.617
Lợi nhuận khác	40		(31.863.206)	299.818.383
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(9.716.646.694)	(27.450.346.443)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(9.716.646.694)	(27.450.346.443)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	(2.501)	(7.066)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		(2.501)	(7.066)

Nghệ An, ngày 24 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Đinh Hữu Hạnh

Kế toán trưởng

Đinh Hữu Hạnh

Giám đốc



Nguyễn Ngọc Nam

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
**(Theo phương pháp gián tiếp)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B03-DN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>1</b>		<b>(9.716.646.694)</b>	<b>(27.450.346.443)</b>
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.042.513.953	804.233.494
Các khoản dự phòng	03		(384.426.350)	19.178.184.110
(Lãi lỗ) hoạt động đầu tư	05		(118.608.796)	(423.819.366)
Chi phí lãi vay	06		1.681.227.251	249.497.306
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>(7.495.940.636)</b>	<b>(7.642.250.899)</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		634.159.437	8.067.828.011
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(4.465.957.698)	(347.859.766)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		10.990.701.436	(3.775.607.621)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(7.200.716.791)	(3.090.310.952)
Tiền lãi vay đã trả	14		(966.733.083)	(116.540.206)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(13.453.100)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(8.504.487.335)</b>	<b>(6.918.194.533)</b>
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(818.732.018)	(1.810.787.727)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	300.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		118.608.796	123.819.366
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(700.123.222)</b>	<b>(1.386.968.361)</b>
Tiền thu từ đi vay	33		25.528.220.593	12.233.599.189
Tiền trả nợ gốc vay	34		(15.981.150.187)	(4.879.005.026)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>9.547.070.406</b>	<b>7.354.594.163</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>342.459.849</b>	<b>(950.568.731)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>4</b>	<b>856.967.868</b>	<b>1.807.536.599</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>1.199.427.717</b>	<b>856.967.868</b>

Nghệ An, ngày 24 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Đinh Hữu Hạnh

Kế toán trưởng

Đinh Hữu Hạnh

Giám đốc



Nguyễn Ngọc Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**Mẫu số B09-DN**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Kim loại màu Nghệ Tĩnh, (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 1205/QĐ-HĐQT ngày 26/05/2008 của Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam về việc chuyển đổi Công ty TNHH Một thành viên Kim loại màu Nghệ Tĩnh thành Công ty Cổ phần Kim loại màu Nghệ Tĩnh.

Trụ sở chính của công ty tại: Khối Hợp Xuân - Thị trấn Quỳnh Hợp - Huyện Quỳnh Hợp - Tỉnh Nghệ An.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 2900324603 lần đầu ngày 8/9/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp, thay đổi lần thứ 1, ngày 24 tháng 05 năm 2018.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2022 là 49 người (tại ngày 31/12/2021 là 56 người).

**1.2 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Tư vấn thăm dò, khảo sát, khai thác, chế biến, mua bán khoáng sản (quặng, thiếc và các khoáng sản khác);
- Xây dựng các công trình: Dân dụng, Công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa đường bộ;
- Cho thuê kho tàng, bến bãi;
- Đại lý mua, bán xăng dầu;
- Kinh doanh các mặt hàng cơ, kim khí và các vật tư, thiết bị ngành xây dựng, mỏ, tuyển khoáng, luyện kim;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn,...

**1.3 LĨNH VỰC KINH DOANH**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực khai thác, chế biến khoáng sản; kinh doanh xăng dầu, ....

**1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Số liệu so sánh trên là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty đã được kiểm toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)****Mẫu số B09-DN***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**2.2 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

**2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

**3.1 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Riêng Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này.

**3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**Mẫu số B09-DN**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

*Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá (trừ công ty nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính khi các khoản đầu tư có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

**3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào trình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**Mẫu số B09-DN**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**3.5 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: Giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền sau từng lần nhập. Giá xuất của nguyên vật liệu được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có sự suy giảm giá trị (giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được).

**3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)****Mẫu số B09-DN***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP)**

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 45
- Máy móc, thiết bị	06 - 10
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06
- Tài sản cố định khác	03 - 10

**3.7 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí sửa chữa tài sản cố định, khoản trả trước tiền thuê đất, lợi thế kinh doanh, lợi thế thương mại, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 2 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định: Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

**3.8 NỢ PHẢI TRẢ**

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

**3.9 CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi vay, các chi phí khác phục vụ sản xuất kinh doanh là các chi phí thực tế đã phát sinh trong năm tài chính nhưng chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm tài chính.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong năm, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

**3.10 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các kế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

Các khoản vay, nợ thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**Mẫu số B09-DN**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**3.11 CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

Trong năm công ty không có chi phí lãi vay vốn hóa.

**3.12 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của kỳ này và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**3.13 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm thiếc, kinh doanh xăng dầu, .....

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)****Mẫu số B09-DN***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Doanh thu hoạt động tài chính**

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

**3.14 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, dự phòng đầu tư tài chính.

**3.15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC****Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)****Mẫu số B09-DN***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Thuế khác**

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**3.16 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Tổng Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>31/12/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Tiền mặt	772.932.000	30.226.000
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	426.495.717	826.741.868
<b>Cộng</b>	<b>1.199.427.717</b>	<b>856.967.868</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LOẠI MÀU NGHỆ TỈNH**  
Khối Hợp Xuân, thị trấn Quỳnh Hợp, huyện Quỳnh Hợp,  
tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2022

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B09-DN

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào đơn vị khác	30.045.000.000	(18.045.000.000)	30.045.000.000	(18.845.000.000)
Công ty Cổ phần Du lịch Đắk Lắk	30.045.000.000	(18.045.000.000)	30.045.000.000	(18.845.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>30.045.000.000</b>	<b>(18.045.000.000)</b>	<b>30.045.000.000</b>	<b>(18.845.000.000)</b>

Thuyết minh bổ sung về đầu tư góp vốn vào các đơn vị tại ngày 31/12/2022:

Đầu tư vào công ty	Mối quan hệ	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Du lịch Đắk Lắk	Đầu tư vào đơn vị khác	Số 3 Phan Chu Trinh, phường Thống Nhất, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	8,6%	8,6%	Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng, ăn uống, lễ hành,.....

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LOẠI MÀU NGHỆ TĨNH**  
Khối Hợp Xuân, thị trấn Quỳnh Hạp, huyện Quỳnh Hạp,  
tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2022

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**Mẫu số B09-DN**

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.308.006.540</b>	<b>(1.268.746.650)</b>	<b>1.565.369.240</b>	<b>(1.268.746.650)</b>
- Tổ kinh doanh xăng dầu	39.259.890	-	-	-
- Công ty Xuất nhập khẩu Khoáng sản Mimexco	1.268.746.650	(1.268.746.650)	1.268.746.650	(1.268.746.650)
- Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico	-	-	296.622.590	-
<b>Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.308.006.540</b>	<b>(1.268.746.650)</b>	<b>1.565.369.240</b>	<b>(1.268.746.650)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LOẠI MÀU NGHỆ TĨNH**  
Khởi Hợp Xuân, thị trấn Quỳnh Hợp, huyện Quỳnh Hợp,  
tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2022

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**  
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B09-DN

**7. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>32.000.000</b>	-	<b>57.932.343</b>	-
- Phải thu khác	32.000.000	-	57.932.343	-
<b>Dài hạn</b>	<b>5.903.408.016</b>	-	<b>5.689.338.725</b>	-
- Ký cược, ký quỹ	5.903.408.016	-	5.689.338.725	-
<b>Cộng</b>	<b>5.935.408.016</b>	-	<b>5.747.271.068</b>	-

**8. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.211.341.170	-	2.006.567.326	-
Công cụ, dụng cụ	9.134.679	-	6.793.873	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.423.479.944	-	2.137.951.987	-
Thành phẩm	1.278.494.473	(316.828.059)	1.305.179.382	-
<b>Cộng</b>	<b>9.922.450.266</b>	<b>(316.828.059)</b>	<b>5.456.492.568</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LOẠI MÀU NGHỆ TĨNH**

Khối Hợp Xuân, thị trấn Quỳnh Hợp, huyện Quỳnh Hợp,

tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2022

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)****Mẫu số B09-DN***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Sửa chữa lớn tài sản cố định	337.107.107	8.528.182.047
<b>Cộng</b>	<b>337.107.107</b>	<b>8.528.182.047</b>

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	-	-
<b>Dài hạn</b>	<b>10.707.774.308</b>	<b>3.507.057.517</b>
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	169.375.000	14.659.092
- Chi phí sửa chữa lớn	10.239.831.808	2.926.464.643
- Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng	298.567.500	378.185.500
- Các khoản khác	-	187.748.282
<b>Cộng</b>	<b>10.707.774.308</b>	<b>3.507.057.517</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LOẠI MÀU NGHỆ TỈNH**  
 Khối Hợp Xuân, thị trấn Quý Hợp, huyện Quý Hợp,  
 tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính  
 kết thúc ngày 31/12/2022

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B09-DN

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
01/01/2022	33.126.360.042	11.611.331.021	12.817.749.524	175.101.363	4.114.933.152	61.845.475.102
- Mua sắm	-	575.713.500	243.018.518	-	-	818.732.018
31/12/2022	<u>33.126.360.042</u>	<u>12.187.044.521</u>	<u>13.060.768.042</u>	<u>175.101.363</u>	<u>4.114.933.152</u>	<u>62.664.207.120</u>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
01/01/2022	(32.548.004.086)	(11.611.331.021)	(10.576.960.631)	(175.101.363)	(4.114.933.152)	(59.026.330.253)
- Khấu hao	(506.737.850)	(26.386.869)	(509.389.234)	-	-	(1.042.513.953)
- Hao mòn	(71.618.106)	-	-	-	-	(71.618.106)
31/12/2022	<u>(33.126.360.042)</u>	<u>(11.637.717.890)</u>	<u>(11.086.349.865)</u>	<u>(175.101.363)</u>	<u>(4.114.933.152)</u>	<u>(60.140.462.312)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
01/01/2022	578.355.956	-	2.240.788.893	-	-	2.819.144.849
31/12/2022	-	549.326.631	1.974.418.177	-	-	2.523.744.808

Trong đó: Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm ngày 31/12/2022 là 59.080.761.920 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LOẠI MÀU NGHỆ TĨNH**  
Khởi Hợp Xuân, thị trấn Quỳnh Hợp, huyện Quỳnh Hợp,  
tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2022

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B09-DN

**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>9.098.562.767</b>	<b>9.098.562.767</b>	<b>5.883.473.101</b>	<b>5.883.473.101</b>
- Công ty CP Địa chất và Khoáng sản (Geosimco)	300.000.000	300.000.000	300.000.000	300.000.000
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Đông Dương	7.949.079.878	7.949.079.878	4.206.150.561	4.206.150.561
- Công ty Cổ phần Xây dựng Minh Sang	163.000.000	163.000.000	860.000.000	860.000.000
- Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng 19-5 Tân Lập	-	-	441.410.000	441.410.000
- Công ty TNHH Cơ khí Đức Phong Vân	275.778.800	275.778.800	-	-
- Các khách hàng khác	410.704.089	410.704.089	75.912.540	75.912.540
<b>Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>9.098.562.767</b>	<b>9.098.562.767</b>	<b>5.883.473.101</b>	<b>5.883.473.101</b>

Phải trả người bán là bên liên quan: Chi tiết tại thuyết minh 30.1



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LOẠI MÀU NGHỆ TĨNH**  
Khởi Hợp Xuân, thị trấn Quý Hợp, huyện Quý Hợp,  
tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2022

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**Mẫu số B09-DN**

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2022	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	31/12/2022
	VND	VND	VND	VND
- Thuế tài nguyên	-	1.220.394.096	1.072.045.296	148.348.800
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	893.966.144	893.966.144	-
- Các loại thuế khác	4.400.000	80.219.700	65.059.700	19.560.000
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	275.054.833	270.146.233	4.908.600
<b>Cộng</b>	<b>4.400.000</b>	<b>2.469.634.773</b>	<b>2.301.217.373</b>	<b>172.817.400</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LOẠI MÀU NGHỆ TĨNH**Khối Hợp Xuân, thị trấn Quỳnh Hợp, huyện Quỳnh Hợp,  
tỉnh Nghệ An**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2022**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)****Mẫu số B09-DN***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<b>31/12/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.477.967.705</b>	<b>9.927.096.860</b>
- Chi phí lãi vay phải trả	847.451.268	132.957.100
- Chi phí cấp quyền khai thác và sử dụng tài liệu	-	8.567.413.777
- Chi phí phải trả khác	1.630.516.437	1.226.725.983
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>2.477.967.705</b>	<b>9.927.096.860</b>

Chi phí phải trả với bên liên quan: xem chi tiết thuyết minh 30.1

**16. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<b>31/12/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>8.575.440.026</b>	<b>596.430.249</b>
- Tiền sử dụng số liệu thông tin về kết quả thăm dò khoáng sản	8.567.413.777	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.026.249	596.430.249
<b>Dài hạn</b>	<b>173.552.800</b>	<b>235.552.800</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	173.552.800	235.552.800
<b>Cộng</b>	<b>8.748.992.826</b>	<b>831.983.049</b>

**17. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

	<b>31/12/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Dài hạn</b>	<b>3.019.102.056</b>	<b>2.920.356.465</b>
- Chi phí hoàn nguyên môi trường	3.019.102.056	2.920.356.465
<b>Cộng</b>	<b>3.019.102.056</b>	<b>2.920.356.465</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LOẠI MÀU NGHỆ TÍNH**  
 Khốii Hợp Xuân, thị trấn Quý Hợp, huyện Quý Hợp,  
 tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính  
 kết thúc ngày 31/12/2022

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**  
 (Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**Mẫu số B09-DN**

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**18.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng
	VND	VND		VND	VND	
<b>01/01/2021</b>	<b>38.850.000.000</b>	<b>1.579.021.166</b>	<b>252.272</b>	<b>40.429.273.438</b>		
- Lỗ trong năm trước	-	-	(27.450.346.443)	(27.450.346.443)	-	
- Phân phối lợi nhuận	-	-	(252.272)	(252.272)	(252.272)	
<i>Trích quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	-	-	(252.272)	(252.272)	(252.272)	
<b>31/12/2021</b>	<b>38.850.000.000</b>	<b>1.579.021.166</b>	<b>(27.450.346.443)</b>	<b>12.978.674.723</b>		
<b>01/01/2022</b>	<b>38.850.000.000</b>	<b>1.579.021.166</b>	<b>(27.450.346.443)</b>	<b>12.978.674.723</b>		
- Lỗ trong năm nay	-	-	(9.716.646.694)	(9.716.646.694)		
<b>31/12/2022</b>	<b>38.850.000.000</b>	<b>1.579.021.166</b>	<b>(37.166.993.137)</b>	<b>3.262.028.029</b>		

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LOẠI MÀU NGHỆ TĨNH**Khối Hợp Xuân, thị trấn Quỳnh Hợp, huyện Quỳnh Hợp,  
tỉnh Nghệ An**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2022**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)****Mẫu số B09-DN***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
<b>Doanh thu</b>	<b>42.967.904.966</b>	<b>52.080.991.358</b>
- Doanh thu bán hàng	42.847.904.966	50.239.350.115
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	120.000.000	1.841.641.243
<b>Cộng</b>	<b>42.967.904.966</b>	<b>52.080.991.358</b>

Doanh thu với các bên liên quan: xem chi tiết thuyết minh 30.1.

**20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
- Giá vốn hàng hóa đã bán	45.210.483.137	54.222.001.612
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	1.707.093.947
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	316.828.059	-
<b>Cộng</b>	<b>45.527.311.196</b>	<b>55.929.095.559</b>

**21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	118.608.796	123.819.366
<b>Cộng</b>	<b>118.608.796</b>	<b>123.819.366</b>

**22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	1.681.227.251	249.497.306
- Dự phòng giảm giá tổn thất đầu tư	-	18.800.000.000
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá tổn thất đầu tư	(800.000.000)	-
- Chi phí tài chính khác	-	139.390.677
<b>Cộng</b>	<b>881.227.251</b>	<b>19.188.887.983</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LOẠI MÀU NGHỆ TĨNH**Khối Hợp Xuân, thị trấn Quỳnh Hợp, huyện Quỳnh Hợp,  
tỉnh Nghệ An**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2022**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)****Mẫu số B09-DN***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
- Chi phí nhân viên quản lý	3.471.537.566	2.366.178.955
- Chi phí vật liệu quản lý	204.355.316	326.956.024
- Chi phí đồ dùng văn phòng	217.216.995	
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	806.993.835	739.754.359
- Thuế, phí và lệ phí	893.966.144	
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	99.387.023	100.186.795
- Chi phí bằng tiền khác	669.301.924	1.295.290.419
<b>Cộng</b>	<b>6.362.758.803</b>	<b>4.828.366.552</b>

**24. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
- Lãi Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	300.000.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>300.000.000</b>

**25. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
- Chi nộp phạt	31.863.206	181.617
<b>Cộng</b>	<b>31.863.206</b>	<b>181.617</b>

**26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(9.716.646.694)</b>	<b>(27.450.346.443)</b>
<b>Các khoản chi phí không được khấu trừ</b>	<b>31.863.206</b>	<b>181.617</b>
- Chi phí không được trừ	31.863.206	181.617
<b>Tổng thu nhập chịu thuế trong năm</b>	<b>(9.684.783.488)</b>	<b>(27.450.164.826)</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
<b>Thuế TNDN phải trả ước tính</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LOẠI MÀU NGHỆ TĨNH**Khối Hợp Xuân, thị trấn Quỳnh Hợp, huyện Quỳnh Hợp,  
tỉnh Nghệ An**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2022**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)****Mẫu số B09-DN***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(9.716.646.694)	(27.450.346.443)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	3.885.000	3.885.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b>(2.501)</b>	<b>(7.066)</b>

**28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
- Chi phí nguyên vật liệu	13.784.630.281	27.352.123.791
- Chi phí nhân công	9.193.265.127	7.164.645.892
- Khấu hao tài sản cố định	1.042.513.953	804.233.494
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.497.549.765	1.085.234.688
- Chi phí bằng tiền khác	6.641.320.273	3.001.130.080
	<b>33.159.279.399</b>	<b>39.407.367.945</b>

**29. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Trong năm 2022, hoạt động của Công ty diễn ra trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Do đó, Công ty không tiến hành lập Báo cáo Bộ phận theo khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận được lập theo lĩnh vực kinh doanh,.... cụ thể:

Chỉ tiêu	Sản xuất Thiếc	Kinh doanh xăng dầu	Khác	Tổng cộng toàn Công ty
<b>KẾT QUẢ KINH DOANH</b>				
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	19.100.958.858	23.746.946.108	120.000.000	42.967.904.966
Khấu hao và chi phí phân bổ	21.508.882.996	24.051.653.661	-	45.560.536.657
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(2.407.924.138)</b>	<b>(304.707.553)</b>	<b>120.000.000</b>	<b>(2.592.631.691)</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
Tài sản bộ phận	28.682.825.957	646.208.904	-	29.329.034.861
Tài sản không phân bổ				14.951.535.024
Tổng tài sản				44.280.569.885
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>				
Nợ phải trả bộ phận	9.006.910.878	-		9.006.910.878
Nợ phải trả không phân bổ				32.011.630.978
Tổng nợ phải trả				41.018.541.856

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LOẠI MÀU NGHỆ TĨNH**

Khối Hợp Xuân, thị trấn Quỳnh Hợp, huyện Quỳnh Hợp,  
tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2022

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)****Mẫu số B09-DN**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**30. THÔNG TIN KHÁC****30.1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN****Các Bên liên quan của Công ty bao gồm:**

Công ty Cổ phần Khoáng sản Đông Dương Ông Phạm Hồng Thịnh là Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Kim loại màu Nghệ Tĩnh đồng thời là Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Đông Dương

Công ty CP XNK Thái Nguyên Ông Phạm Hữu Bắc là thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Kim loại màu Nghệ Tĩnh đồng thời là Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thái Nguyên

Ông Vũ Sơn Hải Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Bùi Văn Tiến Thành viên Hội đồng Quản trị

Bà Thái Thị Thủy Vợ ông Đinh Hữu Hạnh – Kế toán trưởng Công ty

**Giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2022	Năm 2021
Công ty Cổ phần Khoáng sản Đông Dương	Doanh thu bán hàng	12.567.675.893	356.348.300
	Mua hàng hóa	6.769.954.967	24.827.817.683
	Phạt chậm thanh toán	403.790.454	139.390.677
Công ty CP XNK Thái Nguyên	Vay ngắn hạn	3.000.000.000	-
	Trả gốc vay	3.000.000.000	-
	Chi phí lãi vay	204.657.534	-
	Trả lãi tiền vay	204.657.534	-
Ông Vũ Sơn Hải	Vay ngắn hạn	500.000.000	1.000.000.000
	Trả gốc vay	1.500.000.000	-
	Chi phí lãi vay	54.312.329	3.682.192
	Trả lãi tiền vay	57.994.521	-
Ông Bùi Văn Tiến	Vay ngắn hạn	1.500.000.000	-
	Chi phí lãi vay	97.446.575	-
Bà Thái Thị Thủy	Vay ngắn hạn	-	400.000.000
	Trả gốc vay	400.000.000	-
	Chi phí lãi vay	37.663.562	736.438
	Trả lãi tiền vay	38.400.000	-



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Mẫu số B09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**Số dư với các bên liên quan**

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	31/12/2022	01/01/2022
Công ty Cổ phần Khoáng sản Đông Dương	Phải trả người bán Phải trả khác	7.949.079.878 543.181.131	4.206.150.561 139.390.677
Ông Vũ Sơn Hải	Vay ngắn hạn Phải trả lãi vay	- -	1.000.000.000 3.682.192
Ông Bùi Văn Tiến	Vay ngắn hạn Phải trả lãi vay	1.500.000.000 97.446.575	- -
Bà Thái Thị Thủy	Vay ngắn hạn	-	400.000.000

**Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc**

Họ và tên	Chức danh	Năm 2022	Năm 2021
<b>Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát</b>		<b>141.000.000</b>	<b>152.400.000</b>
Ông Phạm Hồng Thịnh	Chủ tịch HĐQT	28.800.000	28.800.000
Ông Bùi Văn Tiến	Thành viên HĐQT	25.200.000	25.200.000
Ông Phạm Hữu Bắc	Thành viên HĐQT	25.200.000	25.200.000
Ông Vũ Sơn Hải	Thành viên HĐQT	25.200.000	25.200.000
Bà Phạm Thanh Hoa	Trưởng Ban Kiểm soát	25.200.000	25.200.000
Bà Võ Thị Dung	Thành viên Ban kiểm soát	11.400.000	22.800.000
<b>Tiền lương của Chủ tịch HĐQT và Ban Giám đốc</b>		<b>719.704.000</b>	<b>722.056.000</b>
Ông Phạm Hồng Thịnh	Chủ tịch HĐQT	264.000.000	264.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Nam	Giám đốc	234.648.000	236.364.000
Ông Trần Văn Chiến	Phó Giám đốc	221.056.000	221.692.000
<b>Cộng</b>		<b>860.704.000</b>	<b>874.456.000</b>

**30.2 THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 Công ty đang lỗ lũy kế với số tiền là 37.166.993.137 đồng và nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 25.017.351.354 đồng, đồng thời dòng lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh của công ty năm 2022 đang âm là 8.504.487.335 đồng. Hiện nay, Công ty tiếp tục thực hiện việc sản xuất kinh doanh của mình và đang tích cực thu hồi các khoản công nợ từ các khách hàng để đảm bảo dòng tiền cho hoạt động kinh doanh và đầu tư sửa chữa tài sản phục vụ cho việc sản xuất khi mỏ Suối Bắc mới được cấp phép khai thác hoạt động từ tháng 12/2021. Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc công ty đã đánh giá và tin tưởng rằng Báo cáo tài chính kèm theo của công ty được lập trên cơ sở giả định rằng Công ty tiếp tục hoạt động liên tục là phù hợp.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LOẠI MÀU NGHỆ TĨNH**  
Khối Hợp Xuân, thị trấn Quỳnh Hợp, huyện Quỳnh Hợp,  
tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2022

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**Mẫu số B09-DN**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**30.3 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty Cổ phần Kim loại màu Nghệ Tĩnh đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt tại Hà Nội.

*Nghệ An, ngày 24 tháng 03 năm 2023*

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**



**Đinh Hữu Hạnh**

**Đinh Hữu Hạnh**

**Nguyễn Ngọc Nam**

TƯ VẤN UHY